

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG  
Khoa Tài chính – Ngân hàng

Bài giảng môn  
THANH TOÁN QUỐC TẾ

THANH TOÁN QUỐC TẾ

CHƯƠNG 1

Các vấn đề cơ bản về ngân hàng thương mại và tỷ  
giá hối đoái

## **I. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1. Các vấn đề cơ bản về ngân hàng thương mại**

#### **2. Phân loại ngân hàng thương mại:**

- Theo hình thức sở hữu:
  - Ngân hàng thương mại quốc doanh
  - Ngân hàng thương mại cổ phần: ví dụ ngân hàng Á Châu, ngân hàng Đông Á, Sacombank...
  - Ngân hàng liên doanh:
  - Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Ví dụ: HSBC, City Bank, ABN-AMRO...
- Theo Tính chất kinh doanh: có thể dựa vào cách chọn đối tượng khách hàng sử dụng (doanh nghiệp, doanh số giao dịch lớn) và lẽ (cá nhân...)...
  - Ngân hàng bán sỉ: ABN-AMRO Bank, Deutsche Bank...
  - Ngân hàng bán lẻ: Vietcombank, ACB, ANZ bank...
- Theo Quan hệ trong tổ chức: Ngân hàng hội sở (hội sở chính), chi nhánh cấp 1, cấp 2, các văn phòng giao dịch. Theo thứ bậc quan hệ, các chi nhánh hoặc văn phòng giao dịch sẽ được hội sở chính quản quyền cho phép thực hiện những giao dịch loại nào.

## **3. Các hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại:**

### **1. Hoạt động huy động vốn:**

- Nhận tiền gửi của tổ chức cá nhân và tổ chức tín dụng khác
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn.
- Vay vốn
- Vay ngắn hạn của ngân hàng Nhà nước.
- Các hình thức huy động khác

### **2. Hoạt động tín dụng**

- Cho vay:
- Cho vay ngắn hạn
- Cho vay trung, dài hạn

### **3. Bảo lãnh: Bảo lãnh vay, thanh toán, thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đấu thầu trong phạm vi vốn tự có của ngân hàng thương mại.**

### **4. Chiết khấu: được chiết khấu và tái chiết khấu các giấy tờ có giá, các thương phiếu**

### **5. Cho thuê tài chính: Ngân hàng thương mại được phép hoạt động cho thuê tài chính thông qua công ty cho thuê tài chính do chính mình lập ra**

## **6. Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:**

- Ngân hàng thương mại được phép mở tài khoản cho cá nhân, tổ chức trong – ngoài nước có nhu cầu thanh toán giữa các ngân hàng với nhau. Từ đó thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ như:
  - Cung cấp các phương tiện thanh toán
  - Dịch vụ thanh toán trong nước
  - Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ
  - Thu, phát tiền mặt cho khách hàng
  - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và liên ngân hàng trong nước
  - Tham gia và thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được ngân hàng Nhà nước cho phép.

## **7. Các hoạt động khác:**

- Góp vốn mua cổ phần
- Tham gia thị trường tiền tệ
- Kinh doanh ngoại hối
- Ủy thác và nhận ủy thác: như quản lý tài sản
- Tư vấn tài chính
- Bảo quản vật quý giá
- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm
- Một số hoạt động khác

## II. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI .

### – Tỷ giá hối đoái:

Tỷ giá hối đoái là sự so sánh mối tương quan giá trị giữa hai đồng tiền của hai quốc gia khác nhau. Hoặc người ta có thể nói tỷ giá hối đoái là giá cả đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác.

### Phương pháp biểu thị tỷ giá (yết giá), cách đọc:

- *Phương pháp biểu thị thứ nhất: Gián tiếp*
- **1 bản tệ = X ngoại tệ**
- Phương pháp biểu thị này thường dùng ở một số nước như Anh, Mỹ , Úc, ....
- Ví dụ: Ngày 08/08/2007
  - Tại thị trường London: lúc mở cửa
    - 1 GBP = 1,4429 EUR
    - 1 GBP = 1,74658 USD

## *Phương pháp biểu thị thứ hai: trực tiếp*

- Là phương pháp biểu thị mà trong đó lấy ngoại tệ làm một đơn vị để so sánh với số lượng tiền tệ trong nước.
- 1 ngoại tệ = X bản tệ
- Phương pháp này được dùng ở những nước còn lại (trong đó có Việt Nam).
- Ví dụ: Ngày 03/09/2007
- Tại thị trường Paris: lúc mở cửa
- 1 USD = 0,82613 EUR
- 1 GBP = 1,4429 EUR
- Chú ý: Tỷ giá 1 USD = 0,926 EUR có thể viết
- USD=0,82613EUR hoặc USD/EUR= 0,82613

- **Sơ lược lịch sử tỷ giá hối đoái.**
- **Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái**
- **Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến hoạt động XNK**
- **Xác định tỷ giá hối đoái theo phương pháp tính chéo**
  - Một số thị trường hối đoái chỉ niêm yết tỷ giá hối đoái giữa bản tệ với các ngoại tệ, do vậy khi cần tính tỷ giá hối đoái giữa các ngoại tệ thì phải dùng phương pháp tính chéo.
- Ví dụ: 1 GBP = 1,4429 EUR
- 1 GBP = 1,74658 USD
- Yêu cầu tính tỷ giá EUR/USD.
- EUR/USD = 1,74658/1,4429 = 1,21046
- Hoặc 1 EUR = 1,21046 USD

## **Sơ lược lịch sử tỷ giá hối đoái.**

- Tiền vàng
- Bản vị vàng
- Tỷ giá cố định
- Bretonwood
- Thả nổi hoàn toàn
- Thả nổi có kiểm soát

## **Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái**

- Cán cân thanh toán vãng lai của quốc gia
- Lãi suất
- Lạm phát
- ...

## **Giao dịch ngoại tệ giao ngay**

### **Nghiệp vụ giao dịch kỳ hạn**

Tính điểm giao dịch kỳ hạn:

$$(I1-I2) \times S2 \times N$$

$$F = \frac{\quad}{100 \times 360}$$

- I1 : Lãi suất đồng tiền yết giá
- I2 : Lãi suất đồng tiền định giá
- S1: Tỷ giá giao ngay (mua)
- S2 : Tỷ giá giao ngay (bán)
- N : Số ngày của kỳ hạn
- F : Tỷ giá kỳ hạn

$$T_k = T_s + T_s \times K \times (L_1 - L_2)$$

–  $T_k$ : Tỷ giá kỳ hạn

–  $T_s$ : Tỷ giá giao ngay

–  $K$ : Kỳ hạn

–  $L_1$ : Lãi suất đồng tiền yết giá

–  $L_2$ : Lãi suất đồng tiền định giá

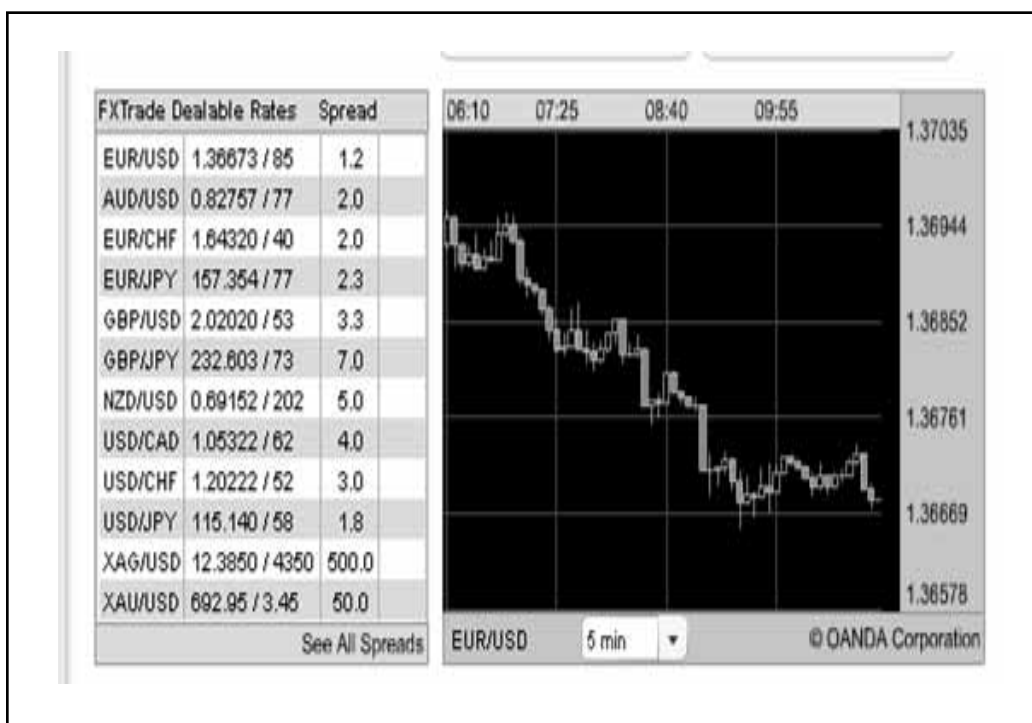
## Nghiệp vụ SWAP

- Khái niệm: SWAP còn được gọi là nghiệp vụ kỳ hạn hai chiều, bao gồm 2 nghiệp vụ: mua một loại ngoại tệ bằng tỷ giá giao ngay và bán ngoại tệ này bằng tỷ giá có kỳ hạn (hoặc ngược lại).
- Nghiệp vụ SWAP nêu trên còn gọi là SWAP ngoại tệ (hay tỷ giá), thực tế trên thị trường tiền tệ quốc tế các ngân hàng còn thực hiện SWAP lãi suất.

## Nghiệp vụ Option:

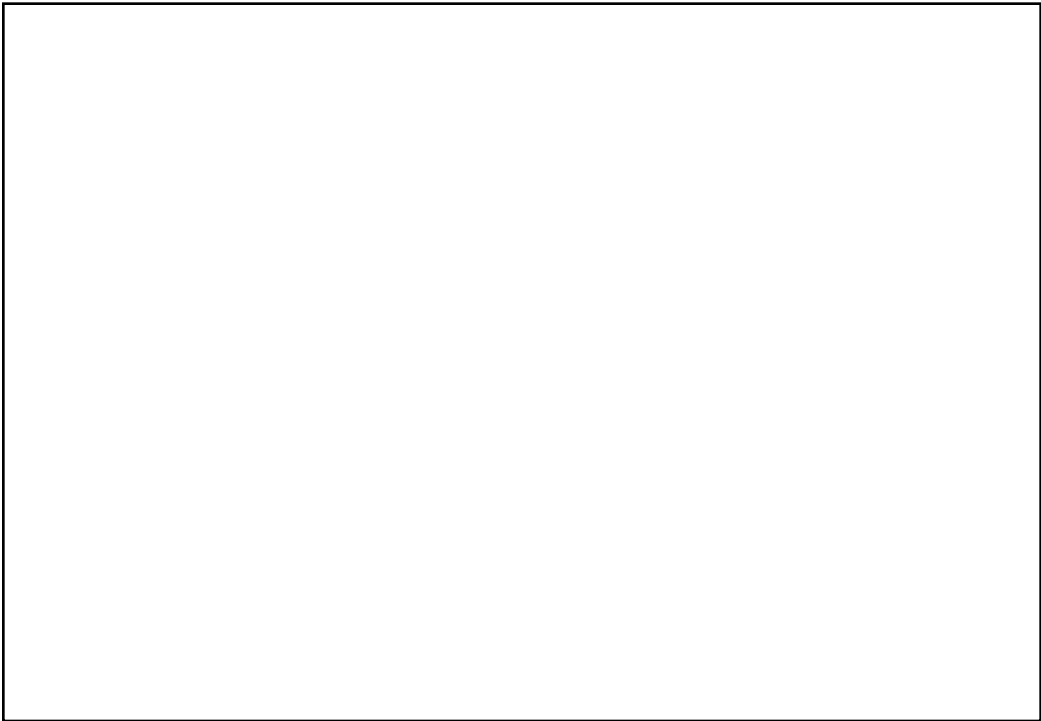
- Khái niệm: Là sự thoả thuận bằng hợp đồng giữa người mua và người bán về quyền chọn mua (call option) hoặc quyền chọn bán (put option) một loại ngoại tệ cụ thể theo tỷ giá và thời gian cụ thể. Để “mua” được “quyền chọn” mua hay bán thì phải trả bằng 1 khoản tiền đảm bảo (phí mua quyền chọn: premium) và cũng có thể từ bỏ “quyền” khi cảm thấy giao dịch bất lợi khi đến hạn.





## CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

- **HỒI PHIẾU ( DRAFT / BILL OF EXCHANGE)**
- 1.2. Chức năng của hồi phiếu :
- Hồi phiếu có 3 chức năng :
  - *Hồi phiếu là phương tiện thanh toán : Hồi phiếu là phương tiện giúp người bán đòi tiền người mua và giúp người mua chuyển tiền trả nợ cho người bán*
  - *Hồi phiếu là phương tiện đảm bảo : Hồi phiếu là một chứng từ có giá ;do đó nó có thể được mua bán ,cầm cố, thế chấp ..vv.*
  - *Hồi phiếu là một cung cấp tín dụng : Vì hồi phiếu là một chứng từ có giá nên nó có thể là công cụ hữu hiệu trong việc cung ứng các khoản tín dụng thương mại, tín dụng ngân hàng .*
- 1.3. Tính chất của hồi phiếu:
  - *Tính trừu tượng của hồi phiếu : Trong hồi phiếu không ghi nội dung của quan hệ tín dụng , nguyên nhân phát sinh ra hồi phiếu.*
  - *Tính bắt buộc trả tiền : Người bị ký phát bắt buộc phải trả tiền theo đúng nội dung ghi trên hồi phiếu . Người trả tiền không được viện những lý do riêng giữa mình và người ký phát hoặc với các người ký hậu hồi phiếu để từ chối thanh toán hồi phiếu.*
  - *Tính lưu thông của hồi phiếu: Hồi phiếu có thể chuyển nhượng một hoặc nhiều lần trong thời hạn của nó.*



Sojitz2

Jan 12<sup>th</sup> 2005

USD7,950.00

\*\*\*

Seven thousand nine hundred  
and fifty United States Dollars only

01.VTC-SG/2005

Jan 12<sup>th</sup> 2005

BSD CREIL SUD OISE ENT 25 avenue Jules Urhy – BP. 309,  
60321 Creil Cedex 2, FRANCE Fr76 3002 7177 6300 0188

Drawee

)

## **Các nghiệp vụ liên quan đến việc lưu thông hối phiếu**

*Chấp nhận hối phiếu (Acceptance):*

*Ký hậu hối phiếu ( Endorsement )*

*Bảo lãnh hối phiếu ( Aval ) :*

*Kháng nghị về việc không trả tiền hối phiếu ( Protest for Non-payment*

## **Các loại hối phiếu**

*Dựa vào thời điểm trả tiền :*

- Hối phiếu trả ngay(Sight Bill)
- Hối phiếu có kỳ hạn ( Time Bill)

*Dựa vào cách xuất trình chứng từ*

- Hối phiếu trơn (Clean Bill)
- Hối phiếu kèm chứng từ ( Documentary Bill)

*Dựa vào tính chất chuyển nhượng của hối phiếu*

- Hối phiếu đích danh (Restrictive Bill)
- Hối phiếu theo lệnh (To order Bill)
- Hối phiếu vô danh (Bearer Bill)

## **Các phương tiện thanh toán**

- Lệnh phiếu
- Sec
- Thẻ thanh toán

## **BỘ CHỨNG TỪ THƯƠNG MẠI (COMMERCIAL DOCUMENT)**

### **VẬN TẢI ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN (OCEAN BILL LADING- B/L):**

3 chức năng của B/L.

Vận đơn là bằng chứng xác nhận hợp đồng vận chuyển đã được ký, đã thực hiện và chỉ rõ nội dung của hợp đồng đó. Vận đơn là văn bản quan trọng xác định mối quan hệ pháp lý giữa người vận chuyển với người giao hàng và đặc biệt, giữa người vận chuyển với người nhận hàng.

Vận đơn là biên lai của người vận chuyển xác nhận đã nhận hàng để chở. Vì vậy, người chuyên chở chỉ giao hàng cho người đầu tiên xuất trình B/L hợp lệ ở cảng đến.

Vận đơn là chứng từ xác thực quyền sở hữu đối với hàng hoá miêu tả trong B/L. Do đó, B/L là chứng từ có giá, có tính lưu thông và nó có thể được cầm cố, mua bán, chuyển nhượng trên thị trường.

# Nội dung của B/L

Người ký phát vận đơn

- Người chuyên chở "As the Carrier"
- Thuyền trưởng "As the Master"
- Địa lý của người chuyên chở "As Agent for the Carrier"
- Địa lý của thuyền trưởng "As Agent for the Master"

Trên vận đơn phải thể hiện "hàng đã bốc".

• Có hai dạng thể hiện hàng đã bốc lên tàu:

- Đối với B/L "nhận để bốc", nội dung B/L này không thể hiện điều kiện hàng đã bốc lên tàu. Do đó, sau khi xếp hàng lên tàu, người vận chuyển phải đóng dấu "hàng đã xếp lên tàu"

Số bản B/L gốc.

Chuyển nhượng B/L:

Chuyển tải (Transshipment)

Vận đơn không lưu thông (Non- Negotiable B/L)

<b>Shipper</b> MURRAY GOULBURN CO-OPERATIVE CO. LIMITED 140 DAWSON STREET BRUNSWICK VIC 3056 AUSTRALIA ABRN 23004 277 089		<b>Bill No.</b> NYKS401066276	
<b>Consignee</b> TO THE ORDER OF INCOMBANK TRANSACTION OFFICE NR. 2,		<b>NYK LINE</b> NIPPON YUSEN KAISHA	
<b>BILL OF LADING</b>			
RECEIVED by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the contents, or packages, said to contain the cargo herein mentioned, to be carried subject to all the terms and conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading by the vessel named herein or any substitute at the Carrier's option and/or other means of transport, from the place of receipt or the port of loading to the port of discharge or the place of delivery shown herein and there to be delivered into order or to order.			
If required by the Carrier, the Bill of Lading duly endorsed must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order.			
In case of the Goods or delivery order, the undersigned, on behalf of Nippon Yusen Kaisha, the Master and the carrier of the Vessel, has signed the number of Bills of Lading stated under all of this issue and date, one of which being accomplished, the others are void and of no effect.			
The undersigned, on behalf of Nippon Yusen Kaisha, the Master and the carrier of the Vessel, has signed the number of Bills of Lading stated under all of this issue and date, one of which being accomplished, the others are void and of no effect.			
<b>Source Party</b> GENERAL COMPANY OF FOODS AND SERVICES (GENCOFOV) 64 BA HUYEN THANH QUAN STR., 3RD DIST., HOCHIMINH CITY, VIETNAM.		<b>Place of Receipt</b> MELBOURNE, AUSTRALIA	
<b>Place of Receipt</b> APL JAKARTA		<b>Place of Loading</b> MELBOURNE, AUSTRALIA	
<b>Port of Discharge</b> HOCHIMINH CITY PORT, VIETNAM		<b>Place of Delivery</b> HOCHIMINH CITY PORT, VIETNAM	
<b>Carrier's No.</b> 22N		<b>Final Destination</b> CY	
<b>Nil Marks &amp; Or Nos.</b>		<b>SHIPPER'S LOAD &amp; COUNT "SAID TO CONTAIN"</b> AS PER ATTACHED-SHEET 2 CONTAINERS	
NYKU2696999 044832 20 (DRY) (1,012 CARTONS) NYKU2697008 044831 20 (DRY) (969 CARTONS)		<b>Freight Prepaid</b> "FREIGHT PREPAID"	
<b>TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES IN WORDS</b> TWO (2) CONTAINERS ONLY		<b>Weight</b> (KGS) 20,368 (16,877.6)	
<b>Freight &amp; Charges</b> "FREIGHT AS ARRANGED"		<b>Measurement</b> (M3) 49.623	
<b>Place of Issue</b> SYDNEY		<b>Place of Issue</b> TOKYO	
<b>Date</b> 2005 09 28		<b>Date</b> 2005 09 28	
<b>Signature</b> [Signature]		<b>Signature</b> [Signature]	
<b>Signature</b> [Signature]		<b>Signature</b> [Signature]	

*** ATTACH SHEET ***		PAGE 1
B/L NO. = NYK5401066276		
< DESCRIPTION OF GOODS >		
2 CONTAINERS		
2 X 20' CONTAINERS		
TRANSHIPPED VIA SINGAPORE		
MEIJI FM-T INFANT FORMULA (24 X 400G) 100 CARTONS		
MEIJI FM-T INFANT FORMULA (8 X 1KG) 100 CARTONS		
MEIJI GU GROWING UP FORMULA (8 X 900G) 372 CARTONS		
MEIJI GU GROWING UP FORMULA (12 X 750G) 1,012 CARTONS		
MEIJI MILK FOR MAMA (24 X 400G) 197 CARTONS		
SHIPPERS DESIRE TO STATE THAT L/C NO. 900100301113		
SHIPPERS DESIRE TO STATE THAT		
+TRADE TERMS OF DELIVERY: CIF HOCHIMINH CITY PORT, VIETNAM.		
+EXPIRY DATE OF PRODUCT: NOT EARLIER THAN 07/2007		
EXCEPT 23 CARTONS OF MEIJI MILK FOR MAMA MANUFACTURED ON 08/2004		
+ORIGIN: AUSTRALIA		
+MANUFACTURER: MEIJI-MCC DAIRY CO., PTY.		
+QUALITY: FRESH PRODUCTS.		
+PACKING: PACKED IN CARTON BOX.		
1,781 CARTONS	20,368 (16,877.6)	47.623

## Các loại vận đơn đường biển:

*Dựa vào tính lưu thông của B/L*

- Vận đơn đích danh (Straight B/L): ghi rõ tên người nhận hàng.
- Vận đơn theo lệnh (To order B/L): Tên người nhận hàng trên vận đơn thường được ghi như sau: "To order of the shipper" hoặc "made out to the order of XYZ Bank" hoặc "To order"
- Vận đơn xuất trình (Bearer B/L): không ghi tên người nhận hàng.

*Dựa vào lời nhận xét trên vận đơn*

- Vận đơn hoàn hảo (Clean B/L)
- Vận đơn không hoàn hảo (Unclean B/L): Vận đơn có những lời phê chú xấu về tình trạng hàng hoá khi giao xuống tàu như: "thùng hàng bị vỡ", "kiện hàng bị đứt dây" v.v...

*Dựa vào thời điểm lập vận đơn*

- Vận đơn nhận hàng để bốc (Received for shipment B/L)
- Vận đơn đã bốc hàng (Shipped on Board B/L)

*Dựa vào cách vận tải hàng hoá*

- Vận đơn chuyển tải (Transshipment B/L)
- Vận đơn đi thẳng (Through B/L hoặc Direct B/L)



**Mitsubishi Corporation**  
4-1 MARUNOUCHI 2-CHOME CHITOSE-KU, TOKYO 100-8284, JAPAN.

**INVOICE** DATE : 28-Sep-05

<b>MESSRS.</b> General Company Of Foods And Services (Genecofov) 64 Ba Huyen		<b>INVOICE NO.</b> 5A693
<b>ADDRESS</b> Thanh Quan STR., 3rd Dist., Hochiminh City, Vietnam.		<b>CONTRACT NO.</b>
<b>PORT OF SHIPMENT</b> Melbourne Port	<b>PORT OF DESTINATION</b> Hochiminh City Port, Vietnam	<b>VIA</b> Singapore
<b>DATE OF SHIPMENT</b> Sep. 28, 2005	<b>NAME OF VESSEL</b> APL JAKARTA V22	

**TERMS :** Irrevocable L/C at sight  
L/C No. 900100501113

MARKS & NOS.	DESCRIPTION	QUANTITY	PRICE	AMOUNT
No Mark	MELI POWDERED MILK		USD	USD
	MELI FM-T INFANT FORMULA (24 X 400G)	100 CTNS	58.54	5,854.00
	MELI FM-T INFANT FORMULA (8 X 1KG)	100 CTNS	41.17	4,117.00
	MELI GU GROWING UP FORMULA (8 X 900G)	572 CTNS	38.12	21,804.64
	MELI GU GROWING UP FORMULA (12 X 750G)	1,012 CTNS	41.64	42,139.68
	MELI MILK FOR MAMA (24 X 400G)	197 CTNS	59.20	11,662.40
<b>TOTAL AMOUNT :</b>		1,981 CTNS	USD	85,577.72

\* TRADE TERMS OF DELIVERY: CIF HOCHIMINH CITY PORT, VIETNAM.  
 \* EXPIRY DATE OF PRODUCT: NOT EARLIER THAN 07/2007 EXCEPT 23  
 CARTONS OF MELI MILK FOR MAMA MANUFACTURED ON 08/2004  
 \* ORIGIN: AUSTRALIA  
 \* MANUFACTURER: MELI-MGC DAIRY CO., PTY.  
 \* QUALITY: FRESH PRODUCTS.  
 \* PACKING: PACKED IN CARTON BOX.

**MITSUBISHI CORPORATION**  
  
 General Manager  
 Dairy Foods Unit, Foods(Products) Division

## PHIẾU ĐÓNG GÓI HÀNG HOÁ (Packing List)

Phiếu đóng gói hàng hoá là chứng từ liệt kê chi tiết về lượng và ***các hình thức đóng gói các loại hàng, mặt hàng của một lô hàng đã giao*** vào thời gian cụ thể.



- Tác dụng:**

Tạo thuận lợi cho việc nhận biết, bốc dỡ và kiểm tra hàng hoá về lượng theo chi tiết đóng gói.





EXPORTER		REFERENCE		PAGE NUMBER	
Murray Goulburn Co-operative Co. Limited 140 Dawson Street BRUNSWICK VIC 3056 AUSTRALIA ABN 23004277089		1000		1 of 1	
CONDITIONS/NOTES TO THE ORDER OF INCOMBANK TRANSACTION OFFICE NR.2.		CERTIFICATE NO. 1000		L/C NUMBER & DATE 900100501113 29 SEP 2005	
NOTIFY PARTY GENERAL COMPANY OF FOODS AND SERVICES (GENECOFOV) 64 BA HUYEN THANH QUAN STR., 3RD DIST., HOCHIMINH CITY, VIETNAM.		ISSUE BY THE GOVERNMENT OF THE COMMONWEALTH OF AUSTRALIA		VICTORIAN EMPLOYERS' CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY	
VESSEL/AIRCRAFT ETC APL Jakarta - 22		Level 3, Commercial House 24 Brisbane Avenue BARTON ACT 2600 AUSTRALIA TELEPHONE INT: 612 6573 2311 LOCAL: 029 8272 2341 Authorised to issue Certificates of Origin by the Government of the Commonwealth of Australia		458 Albert Street East Melbourne VIC 3002 AUSTRALIA Telephone: 61 3 8662 8333 Facsimile: 61 3 8662 8391 Email: info@victorianchamber.org.au Agent for the Australian Cham- ber of Commerce and Industry	
PORT OF LOADING Melbourne, Australia		E.T.D. 28 SEP 2005			
PORT OF DISCHARGE Ho Chi Minh City Port, Vietnam					
FINAL DESTINATION PORT Ho Chi Minh City Port, Vietnam					
NAME & ADDRESS		DESCRIPTION OF GOODS (OVERALL)		GROSS MASS (KG)	
				20368	
DESCRIPTION OF GOODS (EXEMPT)		NO. AND KIND OF PACKAGES			
MELI FM-T INFANT FORMULA (8 X 1KG)		100 cartons			
MELI FM-T INFANT FORMULA (24 X 400G)		100 cartons			
MELI GU GROWING UP FORMULA (8 X 900G)		5/2 cartons			
MELI GU GROWING UP FORMULA (12 X 750G)		1012 cartons			
MELI MILK FOR MAMA (24 X 400G)		197 cartons			
*Comme F.I.1.1. NO. 5A/653 DATED 28.09.2005*					
I, the undersigned, being duly authorized by the above Exporter, and having made the necessary enquiries HEREBY CERTIFY THAT based on the rules of origin of the country of destination, all the goods listed above originate in AUSTRALIA. I further declare that I will furnish to the Customs authorities of the importing country, or their nominees, for inspection at any time, such evidence as may be requested for the purpose of verifying this certificate.		I, the undersigned, being duly authorized by the Australian Chamber of Commerce and Industry to sign documentary evidence of origin, hereby certify that on the basis of information supplied by the exporter and to the best of my knowledge and belief the country of origin of the above mentioned goods, based on the rules of origin claimed by the exporter, is AUSTRALIA.			
SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER		SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER		DATE	
				28 SEP 2005	

Certificate of Origin				Customs Form P-8210	
1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) <b>GENERAL COMPANY OF FOODS AND SERVICES 64 BA HUYEN THANH QUAN ST., HOCHIMINH CITY, VIETNAM</b>			Reference No. <b>64179631</b>		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country) <b>BAGGA PRODUCTS LTD, 5 WADSWORTH ROAD, PERTHVALE, MIDDLESEX, UB6 7JB 0181 991 950</b>			GENERALISED SYSTEM OF PREFERENCES CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) FORM A Issued in <b>VIETNAM</b> (country) See Notes overleaf		
3. Means of transport and route (as far as known) <b>FROM : HO CHI MINH TO : THAMESPORT, UK M/V : GALFAN PREMIER 778 B/L : EISU 235400065300 DATE : SEP. 09, 2004</b>			4. For official use		
5. Item number	6. Marks and numbers of packages	7. Number and kind of packages; description of goods	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity	10. Number and date of invoices
		<b>374 SETS OF 4785-RECYCLED CHEST BLACK FOB HO CHI MINH L/C NO. : ENDC 643644  CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES NO. : 21461/KKD-KV4 DATE: SEP. 08, 2004</b>	<b>"w"</b> <b>94.03</b>	<b>KGS 11,594.00</b>	<b>CHNS-BK/002A SEP. 09, 2004</b>
11. Certification It is hereby certified, on the basis of the declaration of the undersigned, that the goods described in this certificate were produced in <b>VIETNAM</b> and that they comply with the requirements specified for those goods in the Generalised System of Preferences for goods exported to <b>UNITED KINGDOM OF GREAT BRITAIN</b> .					
 <b>CHAMBER OF COMMERCE &amp; INDUSTRY HO CHI MINH CITY</b> <b>NGUYEN THI THANH HUYEN</b> <b>SEP. 09, 2004</b> Place and date, signature and stamp of certifying authority			<b>DECLARATION by the exporter</b> The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct, that all the goods were produced in <b>VIETNAM</b> and that they comply with the requirements specified for those goods in the Generalised System of Preferences for goods exported to <b>UNITED KINGDOM OF GREAT BRITAIN</b> .  <b>HOCHIMINH CITY, SEP. 09, 2004</b> Place and date, signature of authorized signatory		

## **Các chứng từ bảo hiểm**

- Hợp đồng bảo hiểm
- Đơn bảo hiểm Insurance Policy
- Chứng nhận bảo hiểm
- Phiếu bảo hiểm

## **Các chứng từ liên quan khác**

- Tùy yêu cầu phát sinh của nơi nhập nhẫu mà nhà nhập khẩu sẽ chủ động trong việc yêu cầu thêm những chứng từ cần thiết đảm bảo cho quyền lợi và hoạt động của mình hoặc đáp ứng đúng quy định của về yêu cầu chứng từ của quốc gia nhập khẩu.

### CHƯƠNG 3: ĐIỀU KIỆN & PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ

- ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỒNG TIỀN TÍNH TOÁN VÀ ĐỒNG TIỀN THANH TOÁN
  - Đồng tiền tính toán
  - Đồng tiền thanh toán
- **Điều kiện đảm bảo hối đoái:**
  - *Điều kiện đảm bảo ngoại hối:*
  - *Điều kiện đảm bảo theo “rủ tiền tệ”:*
- ***Điều kiện địa điểm thanh toán***
- ***Điều kiện về thời gian thanh toán:*** Trả trước, ngay, sau hoặc hỗn hợp.
- ***Điều kiện về phương thức thanh toán:***
  - Phương thức chuyển tiền
  - Phương thức nhờ thu
  - Phương thức tín dụng chứng từ

### PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ

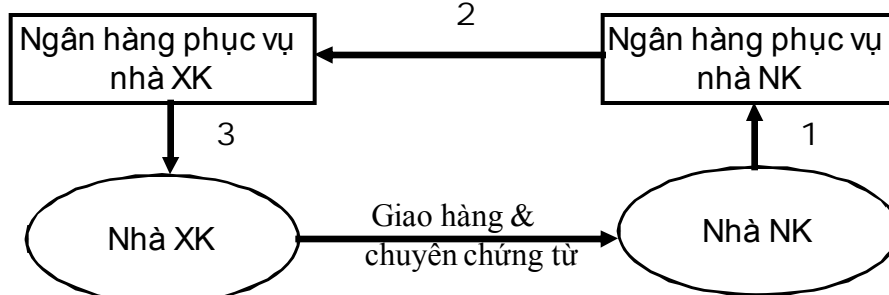
#### **PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN ( REMITTANCE ) :**

Phương thức chuyển tiền là phương thức thanh toán , trong đó khách hàng (người chuyển tiền ) yêu cầu ngân hàng phục vụ mình , chuyển một số tiền nhất định cho người thụ hưởng tại một địa điểm xác định và trong một thời gian nhất định.


#### **Các hình thức chuyển tiền :**

- Chuyển tiền bằng thư ( Mail Transfer: M/T )*
- Chuyển tiền bằng điện (Telegraphic Transfer: T/T)*

## Quy trình thực hiện phương thức chuyển tiền(T/T)



1. Ra lệnh chuyển tiền
2. Ngân hàng phục vụ người NK chuyển tiền = T/T đến tài khoản được chỉ định
3. Ngân hàng của người thụ hưởng báo CÓ đến người thụ hưởng
4. Người XK thực hiện xuất khẩu, chuyển giao bộ chứng từ xuất khẩu

 <b>GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN TIỀN BẰNG ĐIỆN</b> (DÀNH CHO KHÁCH HÀNG LÀ TỔ CHỨC)	
<b>Kính gửi: NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (ACB)</b> Chúng tôi đề nghị Ngân hàng phát hành một điện chuyển tiền (T/T) bao gồm các nội dung sau:	
<b>Tên của Tổ chức chuyển tiền:</b> ..... <b>DT:</b> .....	
<b>Số và loại ngoại tệ thanh toán:</b> .....	
• Bảng số: ..... • Bảng chữ: .....	
<b>Tên của Người thụ hưởng:</b> .....	
<b>Địa chỉ:</b> ..... <b>Số tài khoản:</b> ..... <b>Số IBAN:</b> .....	
<b>Tại ngân hàng (tên và địa chỉ):</b> ..... <b>SWIFT Code:</b> ..... <b>Chips/ Fedwire/ Sort Code:</b> .....	
<b>Nội dung thanh toán:</b> <input type="checkbox"/> Thanh toán <b>trước tiền hàng</b> theo hợp đồng số: ..... <input type="checkbox"/> Thanh toán <b>tiền hàng đã nhận</b> theo hợp đồng số: ..... <input type="checkbox"/> Thanh toán cho mục đích khác: .....	
<b>Tên hàng hoá/dịch vụ nhập khẩu (tên tiếng Việt):</b> .....	
<b>Chi phí trong nước tính vào tài khoản của:</b> <input type="checkbox"/> Chúng tôi <input type="checkbox"/> Người thụ hưởng	<b>Chi phí ngoài nước tính vào tài khoản của:</b> <input type="checkbox"/> Chúng tôi <input type="checkbox"/> Người thụ hưởng
Đề nghị ngân hàng trích tiền từ tài khoản <input type="checkbox"/> VND ..... <input type="checkbox"/> USD ..... để thực hiện lệnh chuyển tiền này.	
<b>CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHUYỂN TIỀN:</b>	
1. Tuân thủ đầy đủ các qui định hiện hành về ngoại thương, quản lý ngoại hối và các qui định pháp luật khác của nước CHXHCN Việt Nam; 2. Xuất trình cho Ngân hàng các chứng từ sau: <input checked="" type="checkbox"/> Quyết định thành lập (khi giao dịch với ACB lần đầu hoặc khi có thay đổi); <input checked="" type="checkbox"/> Đăng ký kinh doanh (khi giao dịch với ACB lần đầu hoặc khi có thay đổi); <input checked="" type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (khi giao dịch với ACB lần đầu hoặc khi có thay đổi); <input checked="" type="checkbox"/> Giấy phép nhập khẩu/tan ngạch (đối với mặt hàng cần phải có Giấy phép); <input checked="" type="checkbox"/> Các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng ngoại tệ theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối; 3. Chúng tôi đã đủ điều kiện để nhập khẩu hàng hoá/dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp mặt hàng nhập khẩu cần có Giấy phép nhập khẩu/tan ngạch nhập khẩu, chúng tôi sẽ xuất trình Giấy phép/tan ngạch nhập khẩu cho Ngân hàng Á Châu. Nếu chúng tôi không xuất trình Giấy phép/tan ngạch nhập khẩu cho Ngân hàng Á Châu có nghĩa là mặt hàng chúng tôi nhập khẩu không cần có Giấy phép nhập khẩu/tan ngạch nhập khẩu. 4. Trường hợp chuyển tiền thanh toán <b>trước tiền hàng</b> các hợp đồng nhập khẩu hàng hoá/dịch vụ, chúng tôi cam kết: a. Bổ sung đầy đủ các chứng từ liệt kê dưới đây chậm nhất là 90 ngày kể từ chuyển tiền: <input checked="" type="checkbox"/> Hóa đơn (bản sao y bản chính) <input checked="" type="checkbox"/> Tờ khai hải quan mẫu dịch (bản chính - bản sao y bản chính) <input checked="" type="checkbox"/> Vận đơn (bản sao y bản chính) <input checked="" type="checkbox"/> Các chứng từ khác, trong trường hợp thanh toán dịch vụ (bản sao y bản chính). b. Trong trường hợp chúng tôi không bổ sung chứng từ đúng thời hạn quy định nêu trên, chúng tôi sẽ gửi văn bản giải trình cho ngân hàng hoặc chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc chậm trễ hoặc không bổ sung đầy đủ các chứng từ nêu trên. 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ, chứng từ xuất trình cho ngân hàng để chứng minh cho mục đích sử dụng ngoại tệ. 6. ACB mà chưa thực hiện tại bất kỳ tổ chức nào khác. 7. Ngân hàng có quyền ký phát điện chuyển tiền này tại một địa điểm khác với địa điểm mà người chuyển tiền chỉ định nếu hoàn cảnh nghiệp vụ yêu cầu làm như vậy. 8. Ngân hàng có toàn quyền gửi điện chuyển tiền với ngôn ngữ thông thường hoặc ký hiệu mật mã và không chịu trách nhiệm về nội dung mật mã, chậm trễ, sai sót, điều mất có thể xảy ra trong lúc chuyển tải bức điện hoặc do sự giải mã sai nội dung bức điện ở đầu nhận; 9. Chấp nhận Giấy đề nghị chuyển tiền nộp sau 15:30 sẽ được xử lý và có hiệu lực là ngày làm việc kế tiếp.	
<b>Kế toán trưởng</b> (Ký tên và ghi rõ họ tên)	Ngày ..... tháng ..... năm 200.... <b>Chủ tài khoản</b> (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

## Ưu nhược điểm của phương thức chuyển tiền(T/T)

- Đối với bên nhập khẩu
- Đối với bên xuất khẩu

**T/T trước, sau, ngay khi giao hàng**

## PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU ( Collection of payment)

Phương thức thanh toán nhờ thu là phương thức thanh toán, trong đó người bán sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ cho người mua, uỷ thác cho ngân hàng mình thu hộ tiền ở người mua trên cơ sở hối phiếu được người bán ký phát .

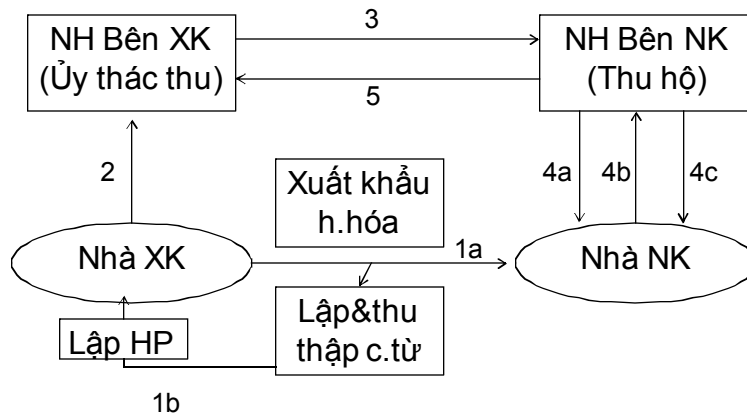
### **Các bên tham gia giao dịch thanh toán :**

- *Người có yêu cầu uỷ nhiệm thu ( Principal) : Người xuất khẩu , người cung ứng dịch vụ ( gọi chung là bên bán )*
- *Ngân hàng nhận uỷ thác thu hay còn gọi là ngân hàng chuyển chứng từ (Remitting bank ) : Ngân hàng phục vụ bên bán*
- *Người trả tiền (Payer ) : Người nhập khẩu, người sử dụng dịch vụ được cung ứng ( gọi chung là bên mua )*
- *Ngân hàng thu hộ (Collecting bank ) , hay ngân hàng xuất trình ( Presenting bank ) : Thường là ngân hàng đại lý hay ngân hàng chi nhánh của ngân hàng nhận uỷ nhiệm thu ở nước người mua.*

### **Các hình thức nhờ thu :**

- *Nhờ thu trơn ( Clean Collection )*
- *Nhờ thu kèm chứng từ ( Documentary Collection )*

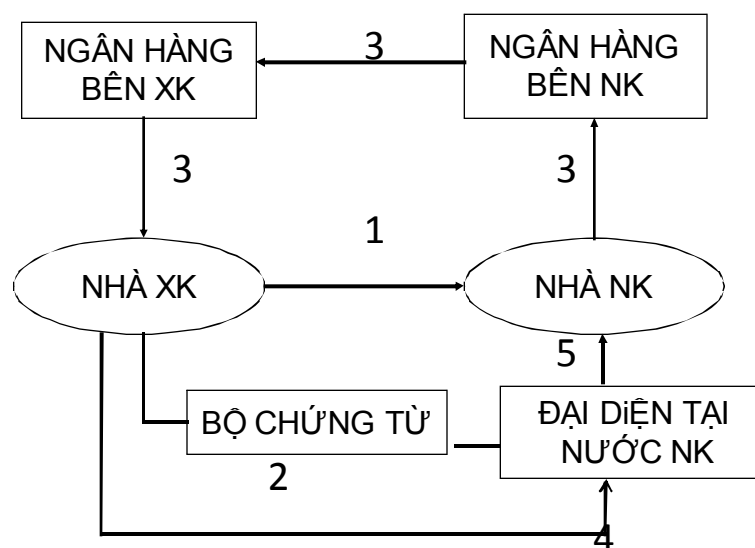
### Quy trình phương thức thanh toán nhờ thu



form  
Ưu và nhược điểm của thanh toán  
nhờ thu

- Đối với bên xuất khẩu
- Đối với bên nhập khẩu

### CAD (Cash Against Document)





#### 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ (Documentary credit ).

- **Thành phần tham gia quá trình thanh toán :**
- Người yêu cầu mở tín dụng thư (**applicant**): là người mua, người nhập khẩu.
- Ngân hàng phát hành (**Issuing bank** ) : là ngân hàng phục vụ người mua.
- Người hưởng lợi (**Beneficiary**) : là người xuất khẩu, người bán .
- Ngân hàng thông báo (**Advising bank**): là ngân hàng ở nước người hưởng lợi.
- Ngoài ra còn có các ngân hàng khác tham gia như :
- Ngân hàng xác nhận ( **Confirming bank** )
- **Các ngân hàng được chỉ định (Nominated bank) :** Là một số ngân hàng được chỉ định trong tín dụng thư, cho phép ngân hàng đó thực hiện việc thanh toán, được chiết khấu, hoặc chấp nhận bộ chứng từ của người thụ hưởng phù hợp với qui định của tín dụng thư.

#### ***Tùy theo qui định của tín dụng thư mà tên gọi của ngân hàng này sẽ có thể là***

- Ngân hàng được chỉ định thanh toán ( **Nominated Paying bank** ).
- Ngân hàng được chỉ định chiết khấu ( **Nominated Negotiating bank** ).
- Ngân hàng được chỉ định chấp nhận ( **Nominated Accepting bank** ).
- **Ngân hàng bồi hoàn ( Reimbursing bank):** được ngân hàng phát hành uỷ nhiệm thực hiện thanh toán giá trị tín dụng thư cho ngân hàng được chỉ định thanh toán hoặc chiết khấu. Thông thường chỉ tham gia giao dịch trong trường hợp giữa ngân hàng phát hành và ngân hàng được chỉ định không có quan hệ tài khoản trực tiếp với nhau.

## Các bên liên quan trong L/C

- Người yêu cầu mở tín dụng thư (**applicant**): là người mua, người nhập khẩu.
- Ngân hàng phát hành (**Issuing bank**): là ngân hàng phục vụ người mua.
- Người hưởng lợi (**Beneficiary**): là người xuất khẩu, người bán.
- Ngân hàng thông báo (**Advising bank**): là ngân hàng ở nước người hưởng lợi.

TÊN ĐƠN VỊ		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc		Phụ lục 01	
<b>YÊU CẦU MỞ THƯ TÍN DỤNG KHÔNG HỦY NGANG</b> (Application for irrevocable Documentary credit)					
<b>Kính gửi: NHNo&amp;PTNT VIỆT NAM, CHI NHÁNH 6</b>					
Với mọi trách nhiệm về phần mình, chúng tôi đề nghị Ngân hàng mở Thư tín dụng không hủy ngang theo các chỉ thị dưới đây (đánh dấu X khi phù hợp) With all our obligations we hereby request you to issue your irrevocable LC for our account in accordance with the instructions below (mark X where appropriate).					
<b>Form of credit:</b> <input type="checkbox"/> Transferable <input type="checkbox"/> Confirmed <input type="checkbox"/> Revolving <input type="checkbox"/> Standby		<b>(50) Applicant (Full name and address):</b> .....			
<b>Advising Bank:</b> .....		<b>(59) Beneficiary (Full name and address):</b> .....			
<b>Swift Code:</b> .....		<b>(32B) Currency, amount in figure and words:</b> .....			
<b>(31D) Date and place of expiry (Where documents must be presented):</b> .....		<b>(39A) Percentage Credit Amount Tolerance (If any):</b> +/- <input type="checkbox"/> %			
<b>(41A) Available with:</b> <input type="checkbox"/> Issuing Bank <input type="checkbox"/> Any Bank <input type="checkbox"/> Nominated Bank		<input type="checkbox"/> Draft not required <input type="checkbox"/> Draft required <input type="checkbox"/> At sight <input type="checkbox"/> At ..... days after date of ..... ( <input type="checkbox"/> B/L <input type="checkbox"/> Other ... ) For ..... % invoice value Trade Term as per INCOTERMS 2000: <input type="checkbox"/> FOB <input type="checkbox"/> CFR <input type="checkbox"/> CIF <input type="checkbox"/> DAP .....			
By <input type="checkbox"/> Sight payment <input type="checkbox"/> Negotiation <input type="checkbox"/> Acceptance <input type="checkbox"/> Deferred payment		<b>(44B) Place of Final Destination/For Transportation/Place of Delivery:</b> .....			
<b>(44A) Place of Taking in Charge/Dispatch From/Place of Receipt:</b> .....		<b>(44E) Port of loading/Airport of departure:</b> .....			
<b>(44F) Port of Discharge/Airport of destination:</b> .....		<b>(44E) Port of loading/Airport of departure:</b> .....			
<b>(44C) Latest shipment date:</b> .....		<b>(43P) Partial shipment:</b> <input type="checkbox"/> Allowed <input type="checkbox"/> Not allowed		<b>(43T) Transshipment:</b> <input type="checkbox"/> Allowed <input type="checkbox"/> Not allowed	
<b>(45A) Description of Goods and/or Services:</b> .....					
<b>(46A) Documents required:</b> <input type="checkbox"/> Signed commercial invoice in ..... original and copies <input type="checkbox"/> Full ( / ) set of Clean "shipped on board" Ocean Bill of Lading made out to order ..... /blank endorsed marked "Freight prepaid / Collect" and "notify the applicant/ addressee" <input type="checkbox"/> Clean Airway bill consigned to ..... showing flight number, flight date and number of credit and marked "Freight prepaid / Collect" and notify to ..... in ..... original <input type="checkbox"/> Certificate of origin issued by ..... in ..... original					

☐ Detailed packing list \_\_\_\_\_ in \_\_\_\_\_ original  
☐ Certificate of quality/quantity issued by \_\_\_\_\_ in \_\_\_\_\_ original  
☐ Marine / Air Insurance Policy or Certificate in duplicate in negotiable form and blank endorsed for 110% invoice value, showing claim payable at \_\_\_\_\_ in invoice currency, covering \_\_\_\_\_  
☐ Copy of cable advising addressee of particulars shipment  
☐ Beneficiary's certificate certifying that one set of non-negotiable documents plus \_\_\_\_\_ have been sent by DHL/\_\_\_\_\_ to the applicant within \_\_\_\_\_ days after B/L date enclosing DHL/\_\_\_\_\_ receipt.  
☐ Other documents (specify) \_\_\_\_\_

(47A) Special conditions: \_\_\_\_\_  
 (48) Period for presentation: within \_\_\_\_\_ days after the date of transport documents but within the validity of the credit (21 days unless otherwise stated)  
 (71B) Charges:  
 All bank charges outside Vietnam including reimbursing Bank charges are for account of Beneficiary/Applicant  
 (72) This L/C is subject to Uniform Customs and Practice for Documentary Credit 600 revision No. 2007 /ISP 98 published by ICC  
 (78) Instruction to Paying/Accepting/Negotiating Bank:  
 Upon receiving ☐ The Cable/Telex/Swift ☐ the documents which is complied with the conditions and terms of this L/C we make payments/ Accepting/Negotiating Bank.

**Chỉ thị cho Ngân hàng mở L/C:**  
☐ Ủy quyền ghi nợ tài khoản của chúng tôi số \_\_\_\_\_ tại quý ngân hàng để ký quỹ mở L/C (số tiền là \_\_\_\_\_ % trị giá L/C) và để thanh toán thủ tục phí, chi phí, báo phí liên quan đến L/C này.  
☐ Thanh toán L/C từ số tiền ký quỹ và/hoặc theo hợp đồng/vay ngoại tệ của chúng tôi đính kèm.  
☐ L/C này sử dụng vốn vay nước ngoài thuộc hiệp định vay nợ số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_  
☐ Thư tín dụng này được mở theo hợp đồng thương mại số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_  
☐ Khi cần liên hệ với Ông/Bà \_\_\_\_\_, điện thoại số \_\_\_\_\_

Trong trường hợp xin mở L/C bằng vốn tự có, ký quỹ 100%, chúng tôi cam kết như sau:  
 1. Chuyển số tiền theo giá trị L/C đến ngân hàng trước khi Ngân hàng ký hậu văn đơn hoặc phát hành thư bảo lãnh để doanh nghiệp chúng tôi đi nhận hàng hoặc ngay sau khi nhận được thông báo của Ngân hàng về việc chuyển tiền vào Ngân hàng để thanh toán L/C.  
 2. Trong trường hợp chúng tôi không chuyển đủ tiền, Ngân hàng được quyền tự động trích tài khoản tiền gửi của chúng tôi để thanh toán L/C.  
 3. Trường hợp chúng tôi không chuyển đủ tiền và tài khoản tiền gửi của chúng tôi không đủ tiền, Ngân hàng phải trả thay thì chúng tôi xin nhận nợ vay vào thời điểm Ngân hàng trả thay với lãi suất bằng 150% lãi suất vay thông thường, thời hạn cho vay tối đa 30 ngày. Căn cứ giấy cam kết này và đơn xin vay, giấy nhận nợ chúng tôi đã ký đóng dấu kèm theo, Ngân hàng có quyền tự động ghi Nợ tài khoản tiền vay của chúng tôi.  
 Đồng thời Ngân hàng có quyền quản lý toàn bộ số hàng có nguồn gốc từ tiền Ngân hàng trả thay. Chúng tôi chỉ được sử dụng số hàng này khi nộp vào Ngân hàng đủ số tiền tương ứng với số hàng lấy ra.  
 Quý hạn trả nợ, nếu doanh nghiệp chúng tôi không trả được nợ, Ngân hàng được quyền phát mãi số hàng, phát mãi tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh (nếu có) theo quy định của pháp luật để thu nợ hoặc chuyển tài sản có quan chức năng theo quy định của pháp luật tiến hành để giải quyết.  
 4. Thanh toán đầy đủ các khoản phí liên quan và chấp hành nghiêm túc quy định của Ngân hàng trong quá trình mở và thanh toán L/C.  
 Người ký tên dưới đây công nhận rằng, đơn yêu cầu mở Thư tín dụng không hủy ngang này nếu được NITINODEPTNT Việt Nam, (Chi nhánh \_\_\_\_\_) chấp thuận thì sẽ phải tuân theo Quy định về quy trình và kỹ thuật nghiệp vụ Thanh toán quốc tế của NITINODEPTNT Việt Nam, đồng toàn bộ quy định pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2007  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG** **GIÁM ĐỐC**

## Các bên liên quan trong L/C

- **Ngân hàng xác nhận ( Confirming bank )**
- **Ngân hàng được chỉ định (Nominated bank) :**  
*Là ngân hàng được chỉ định trong tín dụng thư, cho phép ngân hàng đó thực hiện việc thanh toán, được chiết khấu, hoặc chấp nhận bộ chứng từ của người thụ hưởng phù hợp với qui định của tín dụng thư.*

## Các bên liên quan trong L/C

- *Tùy theo qui định của tín dụng thư mà tên gọi của ngân hàng này sẽ có thể là :*
- Ngân hàng được chỉ định thanh toán ( **Nominated Paying bank** ).
- Ngân hàng được chỉ định chiết khấu ( **Nominated Negotiating bank** ).
- Ngân hàng được chỉ định chấp nhận ( **Nominated Accepting bank** ).
- *Ngân hàng bồi hoàn ( **Reimbursing bank** ): được ngân hàng phát hành uỷ nhiệm thực hiện thanh toán giá trị tín dụng thư cho ngân hàng được chỉ định thanh toán hoặc chiết khấu. Thông thường chỉ tham gia giao dịch trong trường hợp giữa ngân hàng phát hành và ngân hàng được chỉ định không có quan hệ tài khoản trực tiếp với nhau.*

## Phân loại L/C

- *Thư tín dụng có thể hủy ngang (Revocable L/C)*
- *Thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận (Confirmed Irrevocable L/C)*
- *Thư tín dụng không hủy ngang miễn truy đòi (Irrevocable without Recourse L/C)*
- *Thư tín dụng chuyển nhượng (Irrevocable Transferable L/C)*
- *Thư tín dụng giáp lưng (Back to Back L/C)*
- *Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving L/C)*
- *Thư tín dụng đối ứng (Reciprocal L/C)*
- *Thư tín dụng có điều khoản đỏ (Red clause L/C)*
- *Thư tín dụng dự phòng (Standby L/C)*

## **Phân loại L/C**

- *Thư tín dụng có thể hủy ngang (Revocable L/C)*
- *Thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận (Confirmed Irrevocable L/C)*
- *Thư tín dụng không hủy ngang miễn truy đòi (Irrevocable without Recourse L/C)*

## **Phân loại L/C**

- *Thư tín dụng chuyển nhượng (Irrevocable Transferable L/C)*
- *Thư tín dụng giáp lưng (Back to Back L/C)*
- *Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving L/C)*

## **Phân loại L/C**

- *Thư tín dụng đối ứng (Reciprocal L/C)*
- *Thư tín dụng có điều khoản đỏ (Red clause L/C)*
- *Thư tín dụng dự phòng (Standby L/C)*

## **Trách nhiệm của các bên khi tham gia vào phương thức thanh toán L/C**

- *Nhà nhập khẩu*
- *Nhà xuất khẩu*
- *Ngân hàng phát hành*
- *Ngân hàng thông báo*
- *Ngân hàng xác nhận*
- *Ngân hàng thanh toán*
- *Ngân hàng chiết khấu*
- *Người thụ hưởng*

## Xử lý các sai sót trong chứng từ

Các nguyên tắc

- Điều chỉnh khi thật cần thiết
- Phát hiện cần điều chỉnh phải kiểm tra toàn bộ chứng từ liên quan khác
- Bảo đảm đúng UCP và pháp luật
- Có văn bản yêu cầu chính thức
- Trách nhiệm đối với phí điều chỉnh và phí phát sinh liên quan
- Nơi nào phát hành nơi ấy điều chỉnh

PHỤ LỤC 26 Tên đơn vị Số: .....	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc .....***.....
<b>YÊU CẦU SỬA ĐỔI THƯ TÍN DỤNG</b> (APPLICATION FOR LETTER OF CREDIT AMENDMENT)	
Kính gửi: NIBNo& PTNT VIỆT NAM CHI NHÁNH 6	
<p>Với trách nhiệm thuộc về phần mình, chúng tôi đề nghị Quý Ngân hàng sửa đổi bằng thư/điện/telex/SWIFT:</p> <p>Under our full responsibility, we ask you to amend by airmail/cable/telex/SWIFT:</p> <p>Thư tín dụng số/Letter of Credit No.: .....dated.....</p> <p>Số tiền/Amount: .....Making a total of .....</p> <p>Người hưởng/beneficiary: .....Making a total of .....</p>	
<p>Nội dung như sau/with the following contents:</p> <p><input type="checkbox"/> Shipment date extended to.....</p> <p><input type="checkbox"/> Expiry date extended to.....</p> <p><input type="checkbox"/> Amount increased by ..... Making a total of .....</p> <p><input type="checkbox"/> Amount reduced to ..... Making a total of .....</p> <p><input type="checkbox"/> Sửa đổi khác(others): .....</p>	
<p>Other terms and conditions remain unchanged/Các điều khoản điều kiện khác không đổi</p> <p><u>Chúng tôi ủy quyền Ngân hàng/We authorize you:</u></p> <p>Ghi nợ tài khoản chúng tôi số/Debiting our account No.: ..... tại quý</p> <p>Ngân hàng để ký quỹ/with you in order to deposit .....% trị giá tăng của L/C và/hoặc</p> <p>trả tiền nước ngoài như cam đoan của chúng tôi kèm theo/% increasing value of the Credit</p> <p>and/or paying to foreign bank according to our commitment enclosed.</p>	
<p>Thư phí thu bằng/Banking charge for our account in .....</p> <p>Điện phí thu bằng/Cable/Telex/SWIFT fee for our account in .....</p>	
<p>Điều chỉnh tăng trị giá thực hiện theo phụ lục/Hợp đồng thương mại số/The amendment of increasing value as effected under the commercial Contract/Annex No.....</p> <p>Ngày/date.....đã được Bộ Thương mại chấp thuận số/Approved by The Ministry of Trade no.....ngày/date.....</p> <p>Khi cần xin liên hệ với Ông (Bà)/Please connect with Mr.(Mrs) .....</p> <p>Telephone No:.....Fax:.....</p>	
Kế toán trưởng	....., ngày ..... tháng ..... năm 2006 GIÁM ĐỐC

## Điều chỉnh sai sót trong bộ chứng từ

- B/L
- Invoice
- Packing list
- C/O
- ...